TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2023/DS-PT
Ngày: 29/3/2023
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Khánh
Các Thẩm phán: Ông Ngôn Ngọc Viên
Bà Nông Biên Hòa

Thư ký phiên tòa: Ông Nông Hữu Duy – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà: Bà Luyện Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 63/20220/TLPT-DS ngày 16/12/2022 về việc " Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 05/2022/DS-ST ngày 08 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 33/2023/QĐ-PT ngày 15 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1960.

Nơi cư trú: Số nhà A phố H, Tổ 11, phường T, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đàm Văn V, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Số 10, ngõ 40 đường Tv, phường M, quận Cầu Giấy, Thành Phố Hà Nội (văn bản ủy quyền ngày 06/7/2021). Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Các ông Long Xuân H, ông Nguyễn Duy I và ông D Văn C - Luật sư của công ty luật TNHH Bạch Long, thuộc đoàn Luật sư Thành Phố Hà Nội.

Ông H có mặt; ông C và ông I vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Hoàng Văn U, sinh năm 1972 và bà Phan Thị G, sinh năm 1970 (tức Phan Thị G1).

Cùng nơi cư trú: Xóm P, xã B, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng. Cùng

có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Nguyễn Văn D và bà Trần Ngọc N - Luật sư của văn phòng Luật sư Đ, thuộc đoàn Luật sư tỉnh Cao Bằng. Cùng có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với bên nguyên đơn: Ông Phan Văn K, sinh năm 1960. Hiện đang chấp hành án tại Đội A1, phân trại số 3, Trại giam B1, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ủy ban nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng

Đại diện theo pháp luật ông Nông Văn O - Chủ tịch UBND huyện.

Đại diện theo ủy quyền ông Hoàng Văn Tn - Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Trùng Khánh; Vắng mặt.

Văn Phòng đăng ký đất đai huyện Trùng Khánh: Đại diện theo pháp luật bà Hoàng Thị Thanh E - Phó Giám đốc phục trách; Vắng mặt.

Ủy ban nhân dân xã B, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện theo pháp luật ông Hoàng Ngọc F - Chủ Tịch UBND xã.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Văn L - Phó chủ tịch UBND xã; Vắng mặt.

Ông Phan Văn Q (tức Phan Thế Q), sinh năm 1962; Vắng mặt.

Bà Nông Thị L1, sinh năm 1966. Có mặt.

Bà Phan Thị D1, sinh năm 1958. Có mặt.

Cùng nơi cư trú: Xóm P, xã B, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

Bà: Hoàng Thị M1, sinh năm 1994 và Hoàng Thị H1, sinh năm 1999.

Cùng nơi cư trú: Xóm P, xã B, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng. Cùng vắng mặt.

- Người làm chứng:

Ông Nông Công R - Địa chính xã K1, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng (trước đây là địa chính xã C1, rồi đến B). Vắng mặt.

Ông Hoàng Văn S, sinh năm 1960 và ông Hoàng Văn Q1, sinh năm 1963. Cùng nơi cư trú: Xóm P, xã B, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

Bà: Hoàng Thị Ng, sinh năm 1969 - Nơi cư trú: Xóm P, xã B, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

- Người kháng cáo: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Đàm Văn V; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với bên nguyên đơn ông Phan Văn K.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 5 năm 2021, trong quá trình tố tụng, tại phiên tòa nguyên đơn bà H và người đại diện theo ủy quyền anh V trình bày như sau: Ngày 01/4/1957, bà nội của chồng bà H là La Thị O1 lập di chúc cho bố chồng của bà H là Phan Văn W (con trai cả bà O1) thửa đất số 180, tờ bản đồ số

18 có diện tích 684,4m^2 có tên gọi F1, tọa lạc tại P, B, Trùng Khánh, Cao Bằng. Trước khi chết, ông W để lại bản di chúc của bà O1 cho vợ chồng bà H thừa kế toàn bộ thửa đất trên. Tuy nhiên, thời điểm đó ông K, bà H công tác tại Thái Nguyên nên chưa thể trực tiếp quản lý thửa đất trên được. Năm 2004, vợ chồng ông K, bà H về quê để xây nhà và sinh sống trên thửa đất thì biết được mấy năm trước ông U, bà G đã chiếm dụng 1/2 thửa đất để xây dựng nhà cửa. Khi biết được sự việc, vợ chồng ông K, bà H đã yêu cầu ông U, bà G trả lại đất, đồng thời cũng đã có đơn đề nghị UBND xác nhận nguồn gốc sử dụng đất và đề nghị giải quyết nhưng ông U, bà G cho rằng đất là của gia đình mua lại với ông N1, đã được cấp bìa đỏ nên không nhất trí trả lại đất. Thửa đất trên hai vợ chồng bà được thừa kế từ bố, không chuyển nhượng hay tặng cho ai nên ông N1 không có quyền bán cho ông U, bà G. Năm 2007 bà H có làm thủ tục xin cấp GCNQSD đất cho cả hai thửa nhưng chỉ được cấp thửa 180, còn thửa 361 địa chính xã cho rằng đất đang tranh chấp nên không làm thủ tục cho, nhưng không có giấy tờ chứng minh cho việc này. Vì vậy, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông U, bà G là không có căn cứ, không đúng đối tượng và trái quy định của pháp luật.

Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất 361, tờ bản đồ 18, diện tích 373,5m^2 mà UBND huyện Trùng Khánh đã cấp cho ông U, bà G. Đồng thời rút một phần yêu cầu khởi kiện là 56,4m^2, chỉ yêu cầu 317,1m^2 theo kết quả thẩm định ngày 19/11/2021; Buộc ông U, bà G chấm dứt hành vi chiếm dụng trái phép thửa đất, di dời toàn bộ tài sản trên đất để trả lại toàn bộ diện tích 317,1m^2 đất chiếm dụng cho ông K, bà H.

Bị đơn ông Hoàng Văn U và bà Phan Thị G trình bày: Phần đất đang tranh chấp là của gia đình ông được anh vợ là Phan Văn N1 chuyển nhượng cho, bằng Giấy bán đoạn vào ngày 01/6/1998. Phần đất trên ông, bà vẫn sử dụng ổn định liên tục từ năm 1998 tới hiện nay và không có tranh chấp với ai. Ông, bà đã xây dựng nhà trên phần lớn diện tích mảnh đất từ năm 2001 và khi đó gia đình bà H, ông K cũng biết và không có ý kiến gì. Khi ông K chưa đi tù thì bà H không có ý kiến, đến năm 2021 ông K đi tù rồi bà H mới tranh chấp đất với gia đình ông. Thời điểm làm thủ tục xin cấp GCNQSD đất cả hai gia đình cùng nhau đi làm, ông K kê khai thửa 180, tờ bản đồ 18, diện tích 310,9 m^2, còn ông U kê khai thửa 361, tờ bản đồ 18, diện tích 373,5m^2 và đã được cấp GCNQSD đất. Do vậy, ông U bà G không nhất trí trả lại đất cho ông K, bà H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với bên nguyên đơn Phan Văn K trình bày: Nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp là do bố Phan Văn W để lại cho ông. Trước đây do bố ông đi công tác xa nhà nên cháu họ Phan Văn N1 đã tự ý bán thửa đất đang tranh chấp cho vợ chồng ông U, bà G. Năm 2004 ông có được kê khai cấp bìa đỏ thửa đất đang tranh chấp đứng tên vợ chồng ông nhưng do sai sót của địa chính xã nên thửa đất không đứng tên vợ chồng ông mà lại đứng tên vợ chồng U, G. Nay ông nhất trí để vợ khởi kiện yêu

cầu ông U, bà G trả lại thửa đất trên. Đồng thời ông có đơn xin xét xử vắng mặt tại Tòa án.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án trình bày ý kiến như sau:

- Đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBDN huyện Trùng Khánh trình bày: Ngày 18/11/2021 UBND huyện có công văn trả lời về trình tự thủ tục cấp GCNQSDĐ thửa đất đang tranh chấp như sau: Trong hồ sơ cấp đất không có giấy tờ chứng minh nguồn gốc đất. Trong quá trình lập và thẩm định hồ sơ UBND xã chưa thu thập đầy đủ các giấy tờ về việc xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên việc thẩm định ở bước tiếp theo chưa được kỹ. Nếu ông U, bà G không cung cấp được bổ sung các giấy tờ chứng minh hợp pháp về nguồn gốc đất thì việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất đang tranh chấp chưa được thực hiện đúng, đủ theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên tại phiên tòa ông U, bà G cung cấp được giấy mua bán đất và người bán đất cũng thừa nhận điều đó. Vì vậy trình tự, thủ tục cấp GCNQSDĐ thửa đang tranh chấp là đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, không nhất trí với yêu cầu hủy GCNQSDĐ của nguyên đơn.

- Đại diện Văn phòng đăng ký đất đai có ý kiến: Về hồ sơ tách thửa do trải qua nhiều giai đoạn lãnh đạo nên không còn lưu giữ hồ sơ này. Tuy nhiên qua lời khai của các bên tại phiên tòa và hồ sơ xin cấp thửa 361 thì đại diện Văn phòng đăng ký đất đai khẳng định trình tự, thủ tục cấp GCNQSDĐ thửa 361 là đúng quy định của pháp luật.

- Đại diện UBND xã B có ý kiến: Do là thế hệ đi sau nên không nắm được trình tự thủ tục khi hai bên kê khai thời điểm xin cấp. Đồng thời giữ nguyên ý kiến như quá trình hòa giải tại UBND xã.

- Ông Phan Văn Q khai: Ông là con chú, ông K (chồng bà H) là con bác; U là em rể, G là em gái của ông. Nguồn gốc thửa đất hiện nay đang có tranh chấp là của bố để lại (bố mẹ đều đã chết), chia cho anh Phan Văn N1 (anh trai ông đã chết), sau đó N1 bán lại cho vợ chồng U, G. Thửa đất đó hồi trước bố ông trồng khoai sọ, xung quanh thửa đất có nhiều cây xoan to, sau này chặt bán gỗ cho ông Hoàng Văn Đ1 (người cùng xóm) gia đình ông K cũng không có ý kiến. Năm 2004 ông Q, ông K và chính quyền địa phương còn được đo ranh giới thửa đất để làm thủ tục cấp bìa đỏ, sau khi đo xong ông K còn mời cơm tại nhà ông K, trong bữa cơm có ông Q, ông Khánh, ông U, ông R và ông N Nông Q1 - Chủ tịch UBND xã thời điểm đó. Trong quá trình phân định ranh giới không thấy ông K có ý kiến gì. Do đó, việc ông K và bà H về tranh chấp, yêu cầu trả lại đất là vô lý.

- Bà Nông Thị L1 trình bày: Bà là vợ của ông Phan Văn N1 (đã chết), ông K là con bác, ông N1 là con chú. Từ năm 1980 bà về làm dâu đã được trồng khoai sọ trên thửa đất đang có tranh chấp này, xung quanh có các cây xoan to. Thời điểm đó ông K, bà H cũng thường xuyên về nhà nhưng không thấy có ý

kiến gì. Sau đó thấy vợ chồng U, G thiếu đất canh tác làm nhà nên vợ chồng bà bán thửa đất cho ông U, bà G theo giấy mua bán ngày 01/6/1998. Nguồn gốc đất tranh chấp là của bố mẹ chồng để lại, không liên quan đến đất gia đình ông K. Nay ông K, bà H về tranh chấp, yêu cầu trả lại đất là không có căn cứ.

- Bà Phan Thị D1 khai: Bà là chị gái ruột của ông K. Nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp là của ông bà, bố mẹ để lại cho gia đình, do gia đình ông K C tác xa nhà nên H thoảng mới về địa phương. Sau khi biết gia đình U, G dựng nhà thì giữa hai bên cũng xảy ra tranh chấp, xô xát. Nay ông K, bà H yêu cầu hủy GCNQSDĐ thửa 361, tờ bản đồ 18, diện tích 317,1m^2 và trả lại đất bà D1 không có ý kiến và không có yêu cầu gì.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa những người làm chứng Trình bày ý kiến như sau:

- Ông Hoàng Văn S khai: Ông không có quan hệ họ hàng gì với nguyên đơn và bị đơn. Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông W - bố ông K. Tuy nhiên sau này giữa ông W với bố ông N1 trao đổi với nhau hoặc mua bán với nhau như thế nào thì ông không rõ. Chỉ biết rằng gia đình ông N1 đã quản lý, sử dụng từ năm 1980 - 1981, rồi sau này đến gia đình ông U. Ông xác nhận 01 ống giống có diện tích khoảng trên dưới 400m^2.

- Ông Nông Công R khai: Năm 2005 căn cứ vào bản đồ địa chính đo vẽ năm 2002, giấy phân chia tài sản năm 1957 và sổ địa chính năm 2005 thì ông được xác nhận thửa đất 180, tờ bản đồ 18, diện tích 684,4m^2 là của ông Phan Văn K. Sau đó không biết ông U và ông K thỏa thuận thế nào lại chia đôi thửa đất mỗi người một nửa. Trước thời điểm xác nhận thì ông K quản lý, sử dụng một nửa thửa đất là thửa 180, tờ bản đồ 18, diện tích 310,9 m^2, còn gia đình ông U quản lý, sử dụng thửa 361, tờ bản đồ 18, diện tích 373,5m^2. Thời điểm đó giữa ông K và gia đình ông U không có tranh chấp, tại thời điểm kê khai thì ông K lên làm thủ tục cấp bìa đỏ cho thửa 180, tờ bản đồ 18, diện tích 310,9 m^2, còn ông U lên làm thủ tục cấp bìa đỏ cho thửa 361, tờ bản đồ 18, diện tích 373,5m^2, không thấy ông K nhắc đến phần đất ông U kê khai là của mình. Vào khoảng những năm 2007, 2008 ông có được chứng kiến việc ông K và ông U cùng thỏa thuận xác định ranh giới giữa hai thửa đất là thửa 361 và thửa 180, theo đó ranh giới thỏa thuận giữa hai bên chính là ranh giới giữa hai thửa đất hiện nay. Chứng kiến việc thỏa thuận còn có ông Phan Văn Q, Linh Nông Q1 (đã chết) - Chủ tịch UBND xã thời điểm đó. Sau khi thỏa thuận xong ông K còn mời cơm tại nhà ông K, trong bữa cơm có ông R, ông Khánh, ông U, ông Q và ông Q1.

Tòa án đã tiến hành hòa giải, để các bên đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án nhưng không thành.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 05/2022/DS-ST ngày 8/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng đã căn cứ Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Các Điều 144, 147, 157, 158, 228, 229, 244, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 236 Bộ luật

Dân sự 2015; Điều 50 Luật Đất đai năm 2003; Các Điều 26, 100, 166 và khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả lại 56,4m^2 tại thửa đất 361, tờ bản đồ 18.

2. Bác yêu cầu của nguyên đơn về việc đòi lại thửa đất 361, tờ bản đồ 18, diện tích 317,1m^2. Ông Hoàng Văn U và bà Phan Thị G được quyền quản lý, sử dụng thửa đất 361, tờ bản đồ 18, diện tích 317,1m^2 tọa lạc tại xóm P, xã B, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng. Thửa đất có ranh giới tứ cận như sau:

+ Phía Bắc có chiều dài 9,19m giáp thửa đất 456 của bà Hoàng Thị Nghe.

+ Phía Nam có chiều dài 15,99m giáp đường tỉnh lộ 206, đoạn này được xây bằng gạch vồ cao 1m.

+ Phía Đông có chiều dài 26,3m giáp với thửa 180 của ông Phan Văn K.

+ Phía Tây có chiều dài 31,5m giáp đường dân sinh, xây bằng gạch vồ cao 1m. (Có sơ đồ thửa đất kèm theo Bản án).

Ông Hoàng Văn U và bà Phan Thị G có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh diện tích thửa đất theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về phần chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 14/9/2022, người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị H, là ông Đàm Văn V có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm số 05/2022/DS-ST ngày 08/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng. Ngày 09/11/2022 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu cùng nguyên đơn ông Phan Văn K (chồng bà H) đang chấp hành án tại trại giam có kháng cáo, ngày gửi đơn kháng cáo đến Tòa án tỉnh Cao Bằng là ngày 10/01/2023.

Tại phiên Tòa phúc thẩm:

- Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo: Không nhất trí với bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm và cho bà Nguyễn Thị H được quyền quản lý sử dụng phần đất tranh chấp, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân huyện Trùng Khánh đã cấp cho ông U, bà G.

- Bị đơn Hoàng Văn U, Phan Thị G không nhất trí với yêu cầu kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Ý kiến bổ sung của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị M1 và Hoàng Thị H1 (Là con đẻ của ông U và bà G) vắng mặt tại phiên tòa nêu rõ ý kiến bằng văn bản như sau: Biết việc bà H khởi kiện tranh chấp đất đai

thửa 361, tờ bản đồ 18, diện tích 373,5m^2 với bố mẹ, tuy nhiên mọi việc liên quan tới vụ kiện do bố mẹ tự giải quyết và từ chối tham gia tố tụng trong vụ án này.

- Ý kiến bổ sung của bà Hoàng Thị Ng (người có thửa đất giáp ranh liền kề) vắng mặt tại phiên tòa nêu rõ ý kiến bằng văn bản như sau: Bà có thửa đất số 456, tờ bản đồ số 18, có phía Nam của thửa đất giáp với phía Bắc thửa đất số 361, tờ bản đồ số 18 của ông Hoàng Văn U và bà Phan Thị G. Ranh giới giữa hai thửa đất đã sử dụng ổn định, không có tranh chấp, hiện nay ông U bà G đã xây hàng rào bao quanh thửa đất. Vì vậy, giữa bà và gia đình ông U bà G không có tranh chấp về ranh giới giữa hai thửa đất này. Do không có tranh chấp, nên bà đề nghị không tham gia tố tụng trong vụ án.

- Ý kiến của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét hủy bản án sơ thẩm số 05/2022/DS-ST ngày 08/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng, giao về cấp sơ thẩm xét xử lại theo quy định bởi: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân huyện Trùng Khánh đã cấp cho ông U, bà G, tòa sơ thẩm đã thụ lý giải quyết là không đúng thẩm quyền. Về yêu cầu được quyền quản lý, sử dụng đất tranh chấp của bà H: Nguồn gốc đất là của gia đình ông K – chồng bà H (giấy di chúc năm 1957 được ông S và UBND xã xác nhận); Gia đình ông K không tặng cho hay chuyển nhượng cho ai nên việc ông N1 tự ý bán thửa đất cho bị đơn là trái quy định của pháp luật; Việc UBND huyện tách thửa ra làm hai thửa cũng không có đơn đề nghị của chủ sử dụng đất là gia đình ông K; Thời điểm kê khai xin cấp GCNQSDĐ thì gia đình ông K đã kê khai toàn bộ thửa đất có diện tích 684,4m^2 nhưng địa chính xã cho rằng thửa đất 361 đang có tranh chấp nên không làm thủ tục cho ông K, bà H; Phía gia đình bà G, ông U cũng không cung cấp được giấy tờ chứng minh thửa đất 361 do bố mẹ để lại; Năm 2004 khi gia đình ông K về quê phát hiện sự việc đã tiến hành họp gia đình yêu cầu những người đang canh tác đất ông K phải có nghĩa vụ trả lại, sự việc cũng được ông U ký xác nhận không có ý kiến; ông U cho rằng có việc giữa ông U và ông K thỏa thuận ranh giới hai thửa đất là ranh giới hiện nay nhưng không có người làm chứng, không thể hiện bằng văn bản; Việc những người làm chứng xác nhận một ống giống có diện tích khoảng trên dưới 400m^2 là không có căn cứ vì luật không quy định và những người này đều sinh sau những năm 1960; Bị đơn cũng không có quá trình quản lý, sử dụng ổn định trên 30 năm vì trải qua hai giai đoạn là gia đình ông N1 sử dụng đến năm 1998 gia đình ông U mới sử dụng.

- Ý kiến của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Thửa đất tranh chấp có nguồn gốc là của anh N1 chuyển nhượng lại cho gia đình ông U vào ngày 01/6/1998. Gia đình ông U quản lý, sử dụng ổn định, liên tục trên 30 năm không có tranh chấp. Năm 2001 gia đình ông U xây nhà cấp 4 kiên

cố trên đất, gia đình ông K cũng không có ý kiến gì, điều này ông K mặc nhiên thừa nhận quyền quản lý, sử dụng cho gia đình ông U tại thửa đất này. Khi kê khai cấp GCNQSDĐ thì cả hai gia đình đi kê khai cùng thời điểm (có ông R xác nhận), thời điểm đó gia đình ông U cũng đang quản lý, sử dụng thửa đất này, hết thời hạn thông báo niêm yết tại UBND xã không ai có ý kiến và được cấp GCNQSDĐ cùng thời điểm năm 2007; Địa chính xã thời điểm đó cũng xác nhận có việc giữa ông U và ông K cùng thỏa thuận ranh giới giữa hai thửa đất chính là ranh giới sử dụng như hiện nay. Theo giấy di chúc năm 1957 thì diện tích nguyên đơn được hưởng là ½ ống giống, trong khi những người làm chứng xác nhận 01 ống giống chỉ có diện tích khoảng trên dưới 400m^2, hiện nay thửa 180 của nguyên đơn có diện tích trên 300m^2, dù cách tính này không được pháp luật thừa nhận nhưng đó là cách tính theo phong tục địa phương vùng miền đã được sử dụng lâu dài. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

- Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người Tn hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung và quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật TTDS không chấp nhận kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Đàm Văn V. Giữ nguyên quyết định của bản án dân sự sơ thẩm số 05/2022/DS-ST ngày 08 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên toà, nghe lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và căn cứ kết quả tranh tụng;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm thuộc về Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

[2] Tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Ngày 08/9/2022 Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng tuyên bản án sơ thẩm, ngày 14 tháng 9 năm 2022 ông Đàm Văn V, là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị H có đơn kháng. Đơn kháng cáo gửi trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí. Ngày 27/10/2022 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với bên nguyên đơn ông Phan Văn K (chồng nguyên đơn), đang chấp hành án tại trại giam B1 nhận được bản án sơ thẩm, ngày 09/11/2022 ông K kháng cáo và gửi Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng ngày 10/01/2023. Có nội dung đề nghị xem xét lại bản án và chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn

Thị H. Xét thấy ông Phan Văn K là chồng của bà H, tham gia tố tụng với bên nguyên đơn, yêu cầu kháng cáo của ông K trùng với yêu cầu kháng cáo của của người đại diện theo ủy quyền. Như vậy, Tòa án nhân nhân tỉnh Cao Bằng chấp nhận đơn kháng cáo của ông V, ông K và thụ lý giải quyết theo thủ tục phúc thẩm là đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo và các căn cứ kháng cáo: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với bên nguyên đơn có chung nội dung kháng cáo cho rằng Tòa án sơ thẩm xét xử không khách quan, không đúng với các tình tiết trong vụ án gây thiệt hại nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của phía nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về nguồn gốc đất: Nguyên đơn xác định đất tranh chấp là của bà La Thị O1 (Bà nội ông Phan Văn K – chồng bà H). Ngày 1/4/1957 bà O1 lập di chúc chia đất cho ông Phan Văn W (bố đẻ của ông K - chồng bà H) với diện tích 684,4m^2 tại thửa đất số 180, tờ bản đồ số 18 có tên gọi F1, tọa lạc tại P, B, Trùng Khánh, Cao Bằng. Hiện nay gia đình ông U đang quản lý ½ thửa đất với diện tích 317,1m^2. Những người làm chứng là ông Nông Công R (nguyên cán bộ địa chính xã), ông Hoàng Văn S và quá trình xác minh của UBND xã trong quá trình hòa giải xác nhận nguồn gốc đất của gia đình ông K, từ năm 2001 gia đình ông U làm nhà, quản lý, sử dụng ½ thửa đất, năm 2004 gia đình bà H cũng làm nhà trên phần diện tích đất còn lại và hai bên không xảy ra tranh chấp. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn xuất trình bản di chúc (Bản photo), không có bản gốc để đối chiếu, không còn nhân chứng nào còn sống để xác nhận nội dung di chúc; Do đó Bản di chúc là giấy tờ chứng minh nguồn gốc đất của bà H – ông K không đảm bảo tính hợp pháp theo quy định của pháp luật, ngoài ra bà H không có giấy tờ nào khác chứng minh nguồn gốc đất là của mình nên Hội đồng xét xử không chấp nhận là có căn cứ.

- Về quá trình quản lý, sử dụng: Xác định nguyên đơn không có quá trình quản lý, sử dụng thửa đất đang tranh chấp; Bị đơn (ông U) nhận chuyển nhượng từ ông Phan Văn N1 ngày 01/6/1998 và quản lý, sử dụng từ đó cho đến năm 2021 thì bà H đến tranh chấp. Năm 2001 gia đình ông U xây dựng nhà trên diện tích đất nhận chuyển nhượng; Năm 2004 gia đình ông K (bà H) cũng xây dựng nhà trên diện tích đất liền kề, hai bên không có ý kiến gì, không xảy ra tranh chấp.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Phan Văn Q xác nhận: Năm 2004 ông Q cùng ông K và chính quyền địa phương đo xác định ranh giới thửa đất để làm thủ tục cấp GCNQSD đất cho ông K; Người làm chứng ông Nông Công R (nguyên cán bộ địa chính xã) cũng xác nhận: Năm 2005 ông được xác nhận thửa đất 180, tờ bản đồ 18, diện tích 684,4m^2 là của ông Phan Văn K. Trước thời

điểm xác nhận thì ông K quản lý, sử dụng một nửa thửa đất là thửa 180, tờ bản đồ 18, diện tích 310,9 m^2, còn gia đình ông U quản lý, sử dụng thửa 361, tờ bản đồ 18, diện tích 373,5m^2, giữa gia đình ông K và gia đình ông U không có tranh chấp. Ông được chứng kiến ông K và ông U cùng thỏa thuận xác định ranh giới giữa hai thửa đất 361 và thửa 180, theo đó ranh giới thỏa thuận giữa hai bên chính là ranh giới hai thửa đất hiện nay, cùng chứng kiến việc thỏa thuận còn có ông Q, ông R, ông N Nông Q1 (chủ tịch UBND xã thời điểm đo đất), ông U, ông K. Người làm chứng ông S thì khẳng định nguồn gốc đất tranh chấp là của ông K nhưng từ những năm 1980 - 1981 đã thấy gia đình ông N1, rồi sau này là gia đình ông U quản lý, sử dụng ổn định không có tranh chấp.

- Về quá trình kê khai xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Nguyên đơn cho rằng đất là của mình nhưng khi làm thủ tục kê khai để xin cấp GCNQSDĐ thì chỉ kê khai thửa 180, không kê khai thửa đất tranh chấp 361. Người làm chứng ông Nông Công R (nguyên cán bộ địa chính xã) cũng xác nhận: Tại thời điểm kê khai thì ông K làm thủ tục xin cấp GCNQSDĐ thửa 180, tờ bản đồ 18, diện tích 310,9m^2, còn ông U làm thủ tục xin cấp GCNQSDĐ thửa 361, tờ bản đồ 18, diện tích 373,5m^2, không thấy ông K có ý kiến về phần đất ông U kê khai là của mình. Sau khi nhận được GCNQSDĐ do UBND huyện cấp năm 2007 ông K, bà H không khiếu nại, khiếu kiện tới cơ quan có thẩm quyền về việc cấp GCNQSDĐ không đúng hoặc có tranh chấp đất đai với ông U, bà G. Tất cả các giấy tờ như bản trưng cầu ý dân, đơn xin trình bày ngày 05/3/2005, biên bản về việc thu hồi đất ngày 05/3/2006, đơn đề nghị ngày 02/01/2006... không có văn bản nào đề cập đến việc yêu cầu bị đơn phải trả lại thửa đất 361 hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp thửa đất trên, đến năm 2021 thì mới phát sinh tranh chấp. Nguyên đơn cho rằng từ khi biết gia đình bị đơn dựng nhà đã xảy ra tranh chấp và nhờ chính quyền giải quyết nhưng không có tài liệu nào chứng minh. Trong quá trình giải quyết vụ án, lời khai của ông Khánh và bà H khai về việc kê khai xin cấp GCNQSDĐ có sự khác nhau. Bà H khai năm 2007 có kê khai cả thửa 361 nhưng cán bộ địa chính xã cho rằng đất đang tranh chấp nên không làm thủ tục cấp GCNQSDĐ thửa này được. Tại phiên tòa sơ thẩm bà H thay đổi lời khai cho rằng chồng bà kê khai và địa chính xã cho rằng thửa đất 361 đang có tranh chấp nên không làm thủ tục cho. Trong khi đó ông K lại khai năm 2004 có kê khai cấp bìa đỏ thửa đất đang tranh chấp đứng tên vợ chồng ông nhưng do sai sót của địa chính xã nên thửa đất không đứng tên vợ chồng ông mà lại đứng tên vợ chồng ông U, bà G. Như vậy, lời khai của ông K và bà H có mâu thuẫn với nhau và ông bà cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ khác để chứng minh sự việc đã kê khai xin cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất số 361.

Nguyên đơn còn cho rằng: Thửa đất tranh chấp trước đây chỉ là một thửa là thửa 180, tờ bản đồ 18, diện tích 684,4 m^2, sau đó UBND huyện đã tách ra làm hai thửa 180 và 361 mà không có đơn đề nghị của gia đình bà. Theo đại

diện Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện Trùng Khánh thì thửa đất số 180 trước năm 2002 chỉ có số hiệu thửa đất, chưa có tên chủ sở hữu. Đến năm 2006 – 2007 khi thực hiện dự án cấp đất mới được cấp thành hai thửa đúng theo đơn xin cấp GCNQSD đất của hộ ông Khánh và ông U. Theo bản đồ địa chính và sổ mục kê đất đai năm 2002 thể hiện: Thửa đất số 361, tờ bản đồ 18, diện tích 373,5m^2 là của ông U còn thửa đất số 180, tờ bản đồ 18, diện tích 310,9 m^2 là của ông K.

- Về trình tự, thủ tục cấp GCNQSD đất cho hộ ông Hoàng Văn U, Phan Thị G đã được cơ quan chuyên môn là văn phòng đăng ký đất đai và Ủy ban nhân dân huyện Trùng Khánh đã khẳng định là đúng trình tự thủ tục, quy định của pháp luật. Theo các tài liệu thu thập được, hồ sơ xin cấp GCNQSD đất của ông U bà G có đơn xin kê khai, có niêm yết công khai, được chính quyền địa phương xác nhận trong 15 ngày niêm yết không nhận được bất kỳ ý kiến tranh chấp nào về việc kê khai xin cấp GCNQSD đất của gia đình ông U. Như vậy về trình tự, thủ tục cấp GCNQSD đất cho ông U, bà G đã đảm bảo tính hợp pháp theo quy định tại thời điểm cấp GCNQSD đất. Cấp sơ thẩm thụ lý yêu cầu hủy GCNQSD đất và tranh chấp quyền sử dụng đất, trong quá trình thu thập các tài liệu chứng cứ liên quan đến trình tự, thủ tục cấp GCNQSD đất, xét thấy không có căn cứ để hủy GCNQSD đất nên không chuyển vụ án lên Tòa án nhân dân tỉnh để giải quyết theo thẩm quyền mà chỉ giải quyết về tranh chấp quyền sử dụng đất là đúng pháp luật.

- Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc nguyên đơn phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ với số tiền là 4.300.000đ *(Bốn triệu ba trăm nghìn đồng)* là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về các vấn đề khác: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH225366 cấp ngày 01/12/2007 đối với thửa đất số 361, tờ bản đồ 18, diện tích 373,5m^2 của UBND huyện Trùng Khánh cấp cho hộ Hoàng Văn U, Phan Thị G1 (G). Trong quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm đã không xác minh xem tại thời điểm cấp GCNQSDĐ hộ gia đình ông U có những ai để đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; Khi tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ không đưa hộ gia đình có đất giáp ranh liền kề thửa đất có tranh chấp vào tham gia; Chưa thu thập đủ tài liệu liên quan đến thửa đất số 180, tờ bản đồ số 18, diện tích 684,4m^2 để làm căn cứ giải quyết vụ án. Tuy nhiên những vi phạm, thiếu sót nêu trên đã được cấp phúc thẩm khắc phục, bổ sung đầy đủ nên không cần phải hủy bản án sơ thẩm;

Ông Hoàng Văn U, Phan Thị G1 thuộc đối tượng được trợ giúp pháp lý miễn phí, ông bà đã được giải thích về quyền được trợ giúp pháp lý, tuy nhiên ông bà đã từ chối quyền được trợ giúp pháp lý và tự mời người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình. Do vậy, ông U bà G không bị ảnh hưởng quyền lợi theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả lại quyền sử dụng đất và hủy GCNQSDĐ đối với thửa đất 361 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ bổ sung cho yêu cầu của mình. Do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tại phiên tòa cũng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm để sung công quỹ nhà nước theo quy định của pháp luật. Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 – Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với bên nguyên đơn; Giữ nguyên quyết định của bản án dân sự sơ thẩm số 05/2022/DS-ST ngày 08 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

2. Về án phí: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đàm Văn V phải chịu 300.000đ án phí phúc thẩm, xác nhận ông V đã nộp tiền án phí phúc thẩm theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004204 ngày 14/9/2022 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

Trường hợp bản án, quyết định được Thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
-VKSND tỉnh CB;
-TAND huyện TK;
- Chi cục THADS huyện TK;
- Các đương sự;
- Tổ HCTP;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Vân Khánh